

Bản án số: 27/2025/DS - ST

Ngày: 07/8/2025

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hồ Thị Công Dung.

2/ Bà Lê Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **173/2025/TLST-DS** ngày 12 tháng 5 năm 2025. Về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025. Giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Trúc L**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: số A, H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (nay là phường A, thành phố Cần Thơ).

SĐT 0918 157 111; 0938 252 327

Đại diện ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Mỹ O**, sinh năm 1980; Bà **Trương Nguyệt Á**, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Số A, N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. (Hợp đồng ủy quyền ngày 14/4/2025). Có đơn ngày 16/7/2025 xin xét xử vắng mặt (BL 63)

2/ Bị đơn: Ông **Chung Văn G**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số I, đường D, khu dân cư H, KV E, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. (Nay là phường C, thành phố Cần Thơ). SĐT 0916 267 286

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2025 và bản tự khai đại diện nguyên đơn Trần Thị Trúc L trình bày:

Vào ngày 02/01/2025 bà Trần Thị Trúc L có cho ông Chung Văn G vay tài sản với số tiền là: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) có ký “Hợp đồng vay tài sản” được chứng thực tại văn phòng C vào ngày 02/02/2024, số công chứng 02, quyền số 01/2025/TP/CC-SCC/HĐGD. Theo hợp đồng thì thời gian vay là 30 tháng, có thỏa thuận về lãi suất theo qui định của pháp luật. Mục đích vay của ông Chung Văn G để kinh doanh.

Ngoài ra, cùng ngày ông Chung Văn G đã nhận đủ tiền và còn có thỏa thuận với bà Trần Thị Trúc L về lãi suất và cam kết thời gian trả vốn theo từng đợt cụ thể như sau:

- Cứ 03 tháng trả số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
- Lãi suất 0,5%/tháng.
- Cam kết “nếu không trả đúng thỏa thuận sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật”.

Đến thời hạn trả nợ, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng không có kết quả, bị đơn không nghe máy, cố tình né tránh. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ gốc là **2.000.000.000 đồng** (Hai tỷ đồng) và yêu cầu tính lãi 0,5%/tháng từ ngày 02/01/2025 đến ngày Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần ông Chung Văn G đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể vào các ngày 30/5/2025 và ngày 24/6/2025 nhưng ông Chung Văn G vắng mặt mà không có lý do (BL 30, 51). Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi bị đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc là **2.000.000.000 đồng** (Hai tỷ đồng) và yêu cầu tính lãi 0,5%/tháng từ ngày 02/01/2025 đến ngày Tòa án xét xử 07/8/2025 (BL 72); Yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án. Bị đơn Chung Văn G vẫn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt các bên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Việc vay mượn tiền giữa các đương sự được lập bằng văn bản là Hợp đồng vay tài sản được công chứng ngày 02/01/2025 bản gốc (BL 48-49) thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) nên xem đây là hợp đồng vay tài sản. Bên vay có nghĩa vụ phải trả cho bên cho vay tài sản theo thỏa thuận. Giữa hai bên không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Chung Văn G đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ Kết quả xác minh ngày 30/5/2025 của Công an phường H (nay là phường C) thì ông Chung Văn G có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng hiện không còn sinh sống tại địa chỉ trên (BL 40-41). Theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn yêu cầu và Tòa án đã tiến hành thông báo nhắc tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng; đồng thời Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần ông Chung Văn G đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông G vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do đó, theo Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ những chứng cứ đã thu thập, có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về số nợ gốc, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn luôn vắng mặt, song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là Hợp đồng vay tài sản ngày 02/01/2025 bản gốc (BL 48-49) do phía nguyên đơn cung cấp, thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), có chữ ký và điểm chỉ xác nhận của bị đơn và được công chứng số 02, quyền số 01/2025/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C. Ngoài ra, nguyên đơn còn cung cấp thêm Thỏa thuận ngày 02/01/2025 bản gốc (mặt phía sau của BL 48) chứng minh việc giao nhận tiền giữa hai bên. Cho nên đủ cơ sở kết luận ông Chung Văn G có vay và nợ nguyên đơn số tiền như trên. Phía bị đơn đã được hưởng quyền sở hữu tài sản vay đầy đủ nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình kéo dài thời gian. Nên yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền **2.000.000.000 đồng** (Hai tỷ đồng) cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[5] Về lãi suất: căn cứ Thỏa thuận ngày 02/01/2025 bản gốc (mặt phía sau của BL 48) ngoài việc chứng minh bị đơn đã nhận đủ tiền vay theo Hợp đồng; còn thể hiện việc thỏa thuận phương thức thanh toán số tiền đã vay “cứ 03 tháng trả số tiền 200.000.000 đồng” và lãi suất do hai bên thỏa thuận là “0,5%/tháng theo số tiền dư nợ”. Nên xem đây là trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi theo Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự. Trường hợp này lãi suất 0,5%/tháng (tức 6%/năm) là phù hợp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả các khoản lãi bao gồm: Lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ lãi trong hạn và Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất cố định 0,5%/tháng từ khi nhận tiền vay đến khi xét xử là có lợi hơn cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ ngày nhận vay tiền 02/01/2025 đến ngày xét xử 07/8/2025 là **07 tháng 05 ngày**. Nên số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là:

$2.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,5\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 71.665.000 \text{ đồng}$ (Bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

[6] Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bị đơn Chung Văn G có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Thị Trúc Linh T đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.000.000.000 đồng +
3

71.665.000 đồng = **2.071.665.000 đồng** (Hai tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cần Thơ nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về chi phí thông báo nhắc tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng (theo Hóa đơn GTGT số 217 ngày 02/6/2025 và số 114 ngày 04/6/2025): Số tiền là 816.000 đồng + 3.240.000 đồng = 4.056.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) do nguyên đơn đã tạm ứng và đã thực hiện xong.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp và bị đơn Chung Văn G phải chịu toàn bộ án phí là 72.000.000 đồng + 2%(2.071.665.000 đồng – 2.000.000.000 đồng) = **73.433.300 đồng** (Bảy mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 207, **227**, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự .
- Điều 463, 466, 470, 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của bà **Trần Thị Trúc L.** Buộc ông **Chung Văn G** có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Trúc L số nợ gốc 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và nợ lãi 71.665.000 đồng (Bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng là **2.071.665.000 đồng** (Hai tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về chi phí thông báo nhắc tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng: nguyên đơn chịu số tiền 4.056.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) và đã thực hiện xong.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn **Chung Văn G** phải chịu án phí có giá ngạch số tiền là **73.433.300 đồng** (Bảy mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm đồng).

- Nguyên đơn **Trần Thị Trúc L** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **36.000.000 đồng** (Ba mươi sáu triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001543 ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cần Thơ).

4/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi cư trú thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ.
- VKSND KV3-Cần Thơ.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Mỹ Nhung